

Số: 78 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 14/01/2022 đến 16h00 ngày 15/01/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc tới nay vượt hơn 324,5 triệu ca và hơn 5,5 triệu ca tử vong. Trong 24 giờ qua, thế giới có thêm 3,2 triệu ca nhiễm và hơn 7.800 người tử vong.

Tại Đức, trong báo cáo tuần, Viện Robert Koch (RKI) cho biết biến thể Omicron đã trở thành biến thể chủ đạo ở nước này, khi gây ra 73,3% số ca mắc mới COVID-19 trên toàn quốc, so với 44,3% ghi nhận 7 ngày trước đó.

Viện Y tế quốc gia (ISS) Italy cũng cho biết Omicron là “thủ phạm” gây nhiều ca bệnh mới nhất ở nước này. Theo kết quả khảo sát nhanh ngày 3/1, Omicron đã gây ra 81% ca nhiễm mới ở Italy, cao gần gấp 4 so với cuộc khảo sát trước đó vào ngày 20/12/2021.

Tình hình dịch bệnh tại Đông Nam Á mấy ngày qua diễn biến phức tạp và có sự khác biệt lớn giữa các nước. Diễn biến dịch tại Thái Lan, Malaysia, Philippines và nhất là Việt Nam vẫn căng thẳng so với các nước khác. Ngày 14/1, Philippines ghi nhận số ca bệnh mới tăng vọt và cao chưa từng thấy, dẫn đầu toàn khối với trên 37.000 ca bệnh. Việt Nam đứng thứ 2 Đông Nam Á với trên 16.000 ca mắc mới.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đang nỗ lực bổ sung danh mục thuốc điều trị các bệnh nhân COVID-19, trong bối cảnh biến thể Omicron của virus SARS-CoV-2 lây lan nhanh chóng khiến nhiều loại thuốc điều trị dường như giảm hiệu quả. Trong một phát biểu ngày 14/1, bà Janet Diaz – quan chức hàng đầu của WHO - cho biết cơ quan này đang đánh giá hiệu quả của loại thuốc viên kháng virus chứa hoạt chất molnupiravir do hãng dược phẩm Merck của Mỹ bào chế. Dự kiến, khuyến nghị về việc sử dụng loại thuốc này sẽ được WHO công bố sớm nhất là trong tháng tới. Ngoài ra, theo bà Diaz, WHO cũng đang lên kế hoạch xem xét hiệu quả của thuốc kháng virus dạng uống do hãng Pfizer (Mỹ) bào chế, đồng thời dự kiến đưa ra khuyến nghị về loại thuốc này vào cuối tháng 2 tới.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 15/01/2022, cả nước ghi nhận 2.007.862 ca mắc, trong đó 2.003.195 ca trong nước. Đến nay đã có 1.717.964 người khỏi bệnh, 35.341 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 2.005.010 ca, trong đó có 2.001.625 ca trong nước (99,8%), 1.715.167 người đã khỏi bệnh (85,5%), 35.306 tử vong tại 52 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 16.378 ca mắc mới, trong đó 16.305 ca ghi nhận trong nước (tăng 279 ca so với ngày trước đó) tại 60 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.810), Đà Nẵng (874), Hải Phòng (814), Khánh Hòa (654), Bình Phước (651), Trà Vinh (646), Bình Định (581), Bến Tre (567), Tây Ninh (468), Cà Mau (438), Bắc Ninh (415), Vĩnh Long (393), Thanh Hóa (372), Hồ Chí Minh (364), Hưng Yên (335), Quảng Ninh (312), Quảng Ngãi (309), Vĩnh Phúc (275), Quảng Nam (255), Bắc Giang (255), Thừa Thiên Huế (245), Hải Dương (243), Hòa Bình (232), Lâm Đồng (225), Nghệ An (224), Đắk Lắk (215), Nam Định (205), Thái Nguyên (192), Thái Bình (177), Bạc Liêu (176), Hà Giang (136), Phú Yên (135), Đồng Tháp (133), Kiên Giang (130), Phú Thọ (124), Bình Thuận (116), Bình Dương (106), Tuyên Quang (104), Bà Rịa - Vũng Tàu (95), Hậu Giang (94), Cần Thơ (93), Gia Lai (92), Đắk Nông (92), Lào Cai (87), An Giang (77), Long An (71), Quảng Bình (71), Hà Tĩnh (64), Lai Châu (62), Yên Bái (58), Sóc Trăng (58), Quảng Trị (56), Đồng Nai (55), Điện Biên (52), Hà Nam (51), Tiền Giang (50), Sơn La (47), Ninh Thuận (40), Cao Bằng (23), Bắc Kạn (11).

+ 73 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hồ Chí Minh (23), Khánh Hòa (16), Quảng Ninh (9), Hải Dương (5), Quảng Nam (5), Quảng Bình (4), Hà Nội (2), Điện Biên (2), Quảng Trị (2), Tây Ninh (2), Thanh Hóa (1), Hà Tĩnh (1), An Giang (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.810 ca mắc, trong đó 851 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 1.773 ca tầm soát trong cộng đồng, 121 ca trong khu cách ly và 65 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (2.810 ca) được phân bố tại 30 quận, huyện như sau: Hà Đông 244, Thanh Xuân 201, Hoàng Mai 194, Đống Đa 183, Thanh Trì 168, Ba Đình 165, Nam Từ Liêm 152, Tây Hồ 147, Hai Bà Trưng 140, Hoàn Kiếm 137, Gia Lâm 117, Cầu Giấy 111, Bắc Từ Liêm 110, Hoàn Kiếm 107, Đông Anh 89, Long Biên 86, Thanh Oai 75, Thường Tín 72, Chương Mỹ 62, Sơn Tây 36, Quốc Oai 31, Sóc Sơn 28, Ứng Hòa 26, Mê Linh 24, Mỹ Đức 23, Thạch Thất 22, Phú Xuyên 21, Đan Phượng 15, Phúc Thọ 12, Ba Vì 10 và 2 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Hà Nội (giảm 219), Bình Định (giảm 130), Bà Rịa - Vũng Tàu (giảm 90).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Trà Vinh (tăng 363), Hải Phòng (tăng 307), Đà Nẵng (tăng 109).

Đến nay tại Việt Nam đã ghi nhận 51 ca mắc COVID-19 do biến chủng Omicron, đều là các ca được cách ly ngay sau khi nhập cảnh tại Hà Nội (1), Quảng Nam (27), TP. Hồ Chí Minh (13), Hải Dương (1), Hải Phòng (1), Thanh Hóa (2), Đà Nẵng (3), Khánh Hòa (2), Long An (1). Hiện chưa ghi nhận các trường hợp nhiễm biến thể Omicron thứ phát tại nước ta.

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 12.695 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 77,9% tổng số mắc trong ngày), tăng 781 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 82 ca cộng đồng (tăng 19 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 32.028 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.624 ca cộng đồng (tăng 75 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 85.245 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 812 ca cộng đồng (tăng 116 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 17.635 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Đà Nẵng tăng 2.227 ca, Bến Tre tăng 1.042 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Hải Phòng (giảm 3.042 ca), Cà Mau (giảm 1.626 ca), Vĩnh Long (giảm 1.369 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.715.167 người đã khỏi bệnh (85,5%), tăng 51.744 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 254.537 trường hợp, trong đó có 5.750 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 4.057; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 829; (3) Thở máy không xâm lấn: 134; (4) Thở máy xâm lấn: 710; (5) EMO: 20.

- Trong ngày 14/01, ghi nhận 171 trường hợp tử vong (giảm 35 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (15) trong đó có 2 ca từ Tây Ninh chuyển đến.

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: An Giang (20 ca trong 02 ngày), Đồng Tháp (14), Tiền Giang (12), Sóc Trăng (11), Vĩnh Long (11), Cần Thơ (11), Bình Dương (9), Đồng Nai (8), Kiên Giang (8), Bà Rịa - Vũng Tàu (7), Tây Ninh (6), Bình Thuận (5), Long An (5), Bến Tre (5), Hậu Giang (4), Gia Lai (3), Cà Mau (3), Bình Định (3), Hải Phòng (2), Hậu Giang (2), Khánh Hòa (2), Nam Định (1), Đắk Lắk (1), Đắk Nông (1), Lâm Đồng (1), Bạc Liêu (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong khu vực cách ly, khu phong tỏa.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 14/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 37.131.747 mẫu cho 79.924.905 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 31.397.354 mẫu tương đương 76.176.966 lượt người, tăng 110.482 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.747.379 mẫu gộp cho 47.647.840 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 15/01/2021 là 209.607.474 liều; đã sử dụng 166.942.276 liều; số còn lại chưa sử dụng là 42.665.198 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3

1	AstraZeneca	30.327.036	29.307.680	11.520.500	17.400.780	386.400	59.634.716
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	31.761.200	61.200	6.700.000	25.000.000	51.761.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	103.281.308	49.617.100	26.800.810	26.863.398	209.607.474
II	Tổng số vắc xin đã tiêm						166.942.276
III	Số vắc xin còn lại chưa tiêm						42.665.198

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 209,6 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 187,6 triệu liều; còn khoảng 22 triệu liều¹ chưa phân bổ do mới được tiếp nhận cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, dự kiến phân bổ trong tuần tới.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 14/01/2022

Cả nước đã tiêm 166.942.276 liều (trong ngày tiêm được 1.387.809 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 88,2% số vắc xin phân bổ 119 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (≥ 18 tuổi) ²	100,0%	94,0%	14,7%
Trẻ em (12-17 tuổi)	90,9%	72,0%	-
Người từ 12 tuổi trở lên	99,7%	91,5%	-

Ghi chú: () Liều nhắc lại*

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 152.430.393 liều:

+ Mũi 1: 70.465.199 liều

+ Mũi 2: 67.031.423 liều³; Mũi bổ sung: 4.666.238 liều

+ Mũi 3: 10.267.533 liều

Có 39/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%⁴.

¹ 22 triệu liều chưa phân bổ gồm: 11,1 triệu liều Pfizer mua; 0,5 triệu liều AstraZeneca mua; 1 triệu liều AstraZeneca do Úc viện trợ; 3 triệu liều VeroCell do Trung Quốc viện trợ; 0,1 triệu liều Sputnik Light do Nga viện trợ; 4,6 triệu liều Moderna và 1,6 triệu liều Pfizer do COVAX viện trợ.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên, các địa phương đang tiến hành rà soát và cập nhật lại đối tượng. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

Bao gồm 1.324.262 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày

Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông, TP. HCM, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Tiền Giang, Long An, Lâm Đồng, Cần Thơ, An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Bình Phước, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu và Hậu Giang

21/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 80 – dưới 90%⁵

03/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 80% là Nghệ An (76,8%), Hà Giang (76,3%) và Sơn La (76,0%).

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 14.511.883 liều:

+ Mũi 1: 8.097.860 liều

+ Mũi 2: 6.414.023 liều.

34 tỉnh, thành phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hòa Bình, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Yên Bái, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Nông, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Tiền Giang, Long An, Lâm Đồng, Tây Ninh, Sóc Trăng, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Phước, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Công tác truy vết: Từ ngày 27/4 đến ngày 15/01/2022, cả nước đã truy vết được 1.451.408 trường hợp F1, trong đó có 1.096.259 trường hợp đã được xét nghiệm.

VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

IX. Hoạt động của các địa phương:

1. TP. Hồ Chí Minh: Trong văn bản công bố cấp độ dịch của UBND TP.HCM vừa công bố, TP.HCM tiếp tục là "vùng xanh" - mức độ nguy cơ thấp. Như vậy, đây là tuần thứ 2 liên tiếp, cấp độ dịch của TP.HCM là cấp độ 1.

Ngày 14/1, Sở Y tế TP HCM ban hành văn bản về việc sắp xếp lại hoạt động các bệnh viện dã chiến thu dung điều trị COVID-19 trong giai đoạn nghỉ Tết Nguyên đán.

Trong văn bản này, sở cho biết hiện số bệnh nhân đang điều trị tại các bệnh viện dã chiến TP chiếm 10 - 30% công suất giường bệnh. Tuy nhiên, biến chủng Omicron có nguy cơ làm bùng phát dịch bệnh trở lại. Nhằm tạo điều kiện cho nhân viên y tế tham gia chống dịch có thời gian phục hồi sức khỏe, đồng thời luôn sẵn sàng ứng phó khi tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, từ ngày 19/1 cho đến khi có thông báo mới sẽ tạm ngưng hoạt động Bệnh viện dã chiến thu dung điều trị COVID-19 số 3, 5, 10 và Bệnh viện dã chiến Củ Chi.

2. TP. Hà Nội: Đến 9 giờ ngày 14/1, toàn thành phố Hà Nội duy trì mức độ dịch 2 (vùng vàng), không có địa bàn quận, huyện nào ở cấp độ dịch 4 (vùng đỏ). Có 7 quận/huyện/thị xã cấp độ 3 (màu cam); 23 quận/huyện/thị xã cấp độ 2 (màu vàng).

3. Tỉnh Bắc Kạn: thực hiện kế hoạch điều trị F0 tại nhà nếu số lượng bệnh nhân vượt quá khả năng cơ sở, vật chất các cơ sở thu dung điều trị.

X. Nhận định

Đến nay, tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc, trong ngày có 58 tỉnh, thành phố ghi nhận ca mắc trong cộng đồng. Thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát phòng chống dịch, nhất là thực hiện nghiêm công tác giám sát tại các điểm nhập cảnh để kịp thời phát hiện các trường hợp nhiễm biến chủng mới của vi rút; đẩy mạnh tốc độ tiêm chủng và tổ chức tiêm vét vắc xin, đảm bảo thuốc và ô xy y tế, chăm sóc, điều trị người nhiễm SARS-CoV-2 sớm, ngay tại cơ sở.

XI. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

⁵ Ninh Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ, Vĩnh phúc, Hải Dương, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hòa Bình, Cao Bằng, Điện Biên, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Tây Ninh, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Dương

1. Tăng cường giám sát các trường hợp nhập cảnh, giám sát cộng đồng, thực hiện việc cách ly, giám sát y tế, giám sát sự biến thể của vi rút SARS-CoV-2. Tổ chức khoanh vùng ô dịch, điều tra truy vết, lấy mẫu xét nghiệm, đánh giá nguy cơ và áp dụng các biện pháp cách ly, phong tỏa phù hợp, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Mở rộng việc cách ly, quản lý điều trị bệnh nhân mắc COVID-19 tại nhà, nơi lưu trú, thu hẹp dần các khu cách ly tập trung.

2. Khẩn trương hoàn thành việc tiêm mũi 2 cho người từ 18 tuổi trở lên; không để sót, đặc biệt người có bệnh nền, người trên 50 tuổi; hoàn thành tiêm mũi 2 cho người từ 12-18 tuổi trong tháng 01 năm 2022, mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên trong Quý I năm 2022, đặc biệt lưu ý các đối tượng thường xuyên di chuyển (18 đến 50 tuổi) và các nhóm đối tượng có nguy cơ cao mắc bệnh. Chủ động có kế hoạch, phương án tiêm vắc xin cho trẻ em từ 5 tuổi đến 11 tuổi theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, thực tiễn thế giới và Việt Nam.

3. Tăng cường quản lý người có nguy cơ cao (người có bệnh nền, người trên 50 tuổi, phụ nữ có thai, người người chưa tiêm đủ vắc xin phòng COVID-19 ở người trên 18 tuổi); thực hiện xét nghiệm tầm soát phát hiện người mắc COVID-19; chăm sóc và điều trị người mắc COVID-19 thuộc nhóm nguy cơ; bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ khi người sống chung, người cùng gia đình bị mắc COVID-19; hỗ trợ chăm sóc thể chất và tâm lý xã hội.

4. Điều trị toàn diện, triệt để, giảm tử vong là ưu tiên hàng đầu; nâng cao năng lực y tế cơ sở, sẵn sàng về trang bị, nhân lực, thuốc điều trị, ô xy... Mở rộng triển khai mô hình Trạm Y tế lưu động và điều trị, quản lý các trường hợp F0 không có triệu chứng, triệu chứng nhẹ tại nhà; thành lập các mô hình đội tình nguyện, huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên... Triển khai mở rộng sử dụng thuốc điều trị COVID-19.

5. Tăng cường công tác truyền thông nâng cao cảnh giác của người dân trước biến thể Omicron, không tụ tập đông người khi không cần thiết, thực hiện nghiêm 5K, tham gia tiêm vắc xin đầy đủ, đặc biệt những người nhập cảnh và gia đình phải thực hiện nghiêm việc khai báo y tế, hạn chế tiếp xúc với người xung quanh, không ra khỏi nơi lưu trú, xét nghiệm SARS-CoV-2 khi mới nhập cảnh theo quy định.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 14/01	Số mắc ngày 15/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 15/01	Số tử vong tích lũy đến 14/01
Có lấy nhiễm thử phát trong 14 ngày qua:		16.026	16.305	279	2.001.423	35.306
1	Hồ Chí Minh	402	364	-38	510.968	20.184
2	Bình Dương	113	106	-7	291.803	3.331
3	Đồng Nai	92	55	-37	99.216	1.562
4	Hà Nội	3.029	2.810	-219	85.245	235
5	Tây Ninh	432	468	36	84.970	759
6	Khánh Hòa	680	654	-26	56.629	223
7	Vĩnh Long	375	393	18	50.442	533
8	Cà Mau	526	438	-88	46.703	238
9	Đồng Tháp	135	133	-2	46.412	754
10	Cần Thơ	139	93	-46	43.615	748
11	Long An	33	71	38	41.027	955
12	Bình Phước	643	651	8	39.752	108
13	An Giang	81	77	-4	34.902	1.196
14	Tiền Giang	27	50	23	34.886	1.086
15	Trà Vinh	283	646	363	34.474	187
16	Bạc Liêu	157	176	19	33.687	310
17	Bến Tre	555	567	12	32.033	286
18	Kiên Giang	118	130	12	32.028	663
19	Sóc Trăng	74	58	-16	31.740	460
20	BRVT	185	95	-90	29.021	289
21	Bình Thuận	103	116	13	27.950	337
22	Bình Định	711	581	-130	25.570	91
23	Hải Phòng	507	814	307	20.608	17
24	Đà Nẵng	765	874	109	17.635	85
25	T.T.Huế	310	245	-65	17.472	93
26	Bắc Ninh	319	415	96	17.070	22
27	Hậu Giang	119	94	-25	14.801	108
28	Đắc Lắc	176	215	39	13.965	73
29	Lâm Đồng		225	225	12.738	34
30	Thanh Hóa	290	372	82	12.265	11
31	Hà Giang	149	136	-13	10.326	14
32	Bắc Giang	221	255	34	10.306	16
33	Hưng Yên	414	335	-79	10.120	2
34	Nghệ An	194	224	30	9.926	37
35	Quảng Ngãi	397	309	-88	9.009	32
36	Quảng Nam	262	255	-7	8.852	19
37	Phú Yên	169	135	-34	8.792	53
38	Gia Lai	107	92	-15	8.682	26
39	Quảng Ninh	265	312	47	7.589	4
40	Đắc Nông	146	92	-54	6.715	15
41	Ninh Thuận	38	40	2	6.413	54

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 14/01	Số mắc ngày 15/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 15/01	Số tử vong tích lũy đến 14/01
42	Hải Dương	227	243	16	6.027	6
43	Nam Định	181	205	24	5.773	4
44	Vĩnh Phúc	247	275	28	5.651	8
45	Quảng Bình	88	71	-17	4.577	7
46	Phú Thọ	91	124	33	4.477	7
47	Thái Bình	125	177	52	4.358	0
48	Thái Nguyên	216	192	-24	4.308	1
49	Hòa Bình	199	232	33	3.826	6
50	Hà Nam	87	51	-36	3.772	0
51	Quảng Trị	98	56	-42	3.274	3
52	Lạng Sơn	79		-79	2.531	7
53	Sơn La	73	47	-26	2.503	0
54	Ninh Bình	68		-68	2.104	0
55	Hà Tĩnh	38	64	26	1.976	6
56	Tuyên Quang	113	104	-9	1.912	0
57	Lào Cai	80	87	7	1.465	0
58	Kon Tum	45		-45	1.446	0
59	Yên Bái	72	58	-14	1.424	0
60	Điện Biên	75	52	-23	1.271	0
61	Cao Bằng	21	23	2	1.136	1
62	Bắc Kạn	10	11	1	700	0
63	Lai Châu	52	62	10	555	0
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	16.026	16.305	279	2.001.625	35.306

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 14/01/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 119 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 119 đợt
1	Hà Nội	16.445.982	6.175.761	5.900.498	0	235.764	1.430.537	692.159	641.294	15.076.013	91,7%
2	Hải Phòng	4.011.690	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	89,1%
3	Thái Bình	2.759.460	1.145.232	1.173.768	95.627	69.393	63.346	149.066	45.288	2.741.720	99,4%
4	Nam Định	2.696.770	1.131.100	1.097.053	0	711	44.543	149.694	73.664	2.496.765	92,6%
5	Hà Nam	1.641.260	579.581	568.270	0	246.445	65.158	70.919	69.051	1.599.424	97,5%
6	Ninh Bình	1.528.080	636.194	622.073	0	2.107	66.564	82.166	76.925	1.486.029	97,2%
7	Thanh Hoá	6.733.480	2.308.654	2.135.637	228.432	0	3.111	275.971	109.115	5.060.920	75,2%
8	Bắc Giang	3.386.610	1.299.973	1.274.387	0	50.520	372.462	148.412	134.359	3.280.113	96,9%
9	Bắc Ninh	2.992.450	1.118.747	1.062.361	0	184.255	238.122	115.176	107.192	2.825.853	94,4%
10	Phú Thọ	2.165.210	965.061	867.261	0	48.892	22.608	124.342	77.975	2.106.139	97,3%
11	Vĩnh	2.163.070	784.254	693.192	0	0	0	56.306	267	1.534.019	70,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 119 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 119 đợt
	Phúc										
12	Hải Duong	3.194.630	1.246.299	1.174.028	3.299	53.366	243.691	156.379	121.080	2.998.142	93,8%
13	Hưng Yên	2.173.752	819.234	783.087	0	0	10.679	105.348	103.577	1.821.925	83,8%
14	Thái Nguyên	2.292.690	900.684	816.246	12.792	74.419	77.195	105.795	66.564	2.053.695	89,6%
15	Bắc Cạn	565.100	209.078	193.915	0	0	5.926	20.307	2.265	431.491	76,4%
16	Quảng Ninh	3.125.858	977.873	922.770	0	4.934	470.464	119.421	110.336	2.605.798	83,4%
17	Hoà Bình	1.506.610	526.417	494.124	0	0	0	74.836	65.172	1.160.549	77,0%
18	Nghệ An	5.448.880	1.926.769	1.814.419	421.763	21.240	161.467	281.138	111.544	4.738.340	87,0%
19	Hà Tĩnh	2.240.650	796.598	717.376	0	90.529	70.279	112.743	102.788	1.890.313	84,4%
20	Lai Châu	745.270	251.947	238.201	0	36.458	34.600	50.635	44.732	656.573	88,1%
21	Lạng Sơn	1.487.710	495.850	480.411	0	0	82.651	66.387	62.002	1.187.301	79,8%
22	Tuyên Quang	1.300.340	552.467	476.196	0	0	106.775	1.870	37.738	1.175.046	90,4%
23	Hà	1.442.780	478.726	440.686	160	1.721	77.103	84.658	66.896	1.149.950	79,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 119 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 119 đợt
	Giang										
24	Cao Bằng	865.380	339.881	295.140	0	5.801	41.302	44.304	37.283	763.711	88,3%
25	Yên Bái	1.433.320	506.144	486.280	0	65.886	76.154	76.986	72.425	1.283.875	89,6%
26	Lào Cai	1.359.780	498.079	419.579	0	94.439	54.076	36.291	69.747	1.172.211	86,2%
27	Sơn La	1.706.930	770.243	634.233	1.564	0	40.755	92.905	83.957	1.623.657	95,1%
28	Điện Biên	1.018.700	329.248	294.862	0	28.281	48.274	62.029	49.871	812.565	79,8%
Cộng miền Bắc		78.432.442	29.429.524	27.601.360	763.637	1.356.330	3.957.193	3.508.285	2.691.311	69.307.640	88,4%
29	Quảng Bình	1.324.770	526.896	502.122	0	1.778	36.835	74.643	43.111	1.185.385	89,5%
30	Quảng Trị	1.176.972	427.385	404.147	9.501	3.896	29.362	59.093	26.534	959.918	81,6%
31	TT- Huế	2.064.176	784.080	734.367	0	134.727	74.452	102.113	94.921	1.924.660	93,2%
32	Tp. Đà Nẵng	2.139.442	859.995	847.154	0	54.396	113.705	100.536	98.437	2.074.223	97,0%
33	Quảng Nam	2.704.760	1.035.254	988.793	28.204	16.451	13.269	117.396	72.818	2.272.185	84,0%
34	Quảng	2.091.114	825.942	751.329	0	50	4.311	108.004	11.255	1.700.891	81,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 119 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 119 đợt
	Ngãi										
35	Bình Định	2.621.680	1.038.006	973.327	44.337	13.526	47.605	138.867	21.147	2.276.815	86,8%
36	Phú Yên	1.555.654	618.562	570.672	0	3.519	61.613	84.237	62.191	1.400.794	90,0%
37	Khánh Hòa	2.601.860	959.897	916.322	0	164.521	163.362	115.729	114.191	2.434.022	93,5%
38	Ninh Thuận	1.206.810	428.886	392.952	0	84.170	51.900	59.352	53.438	1.070.698	88,7%
39	Bình Thuận	2.381.820	915.503	844.093	0	80.834	13.785	70.431	47.798	1.972.444	82,8%
Cộng miền Trung		21.869.058	8.420.406	7.925.278	82.042	557.868	610.199	1.030.401	645.841	19.272.035	88,1%
40	Kon Tum	949.090	315.752	289.731	2.960	23.968	15.965	58.145	46.570	753.091	79,3%
41	Gia Lai	2.501.712	966.944	828.871	62.425	25.590	92.970	159.281	110.192	2.246.273	89,8%
42	Đắk Lắk	3.155.460	1.232.834	1.131.666	0	76.834	69.241	196.374	72.256	2.779.205	88,1%
43	Đắk Nông	1.140.200	401.120	392.695	0	57.297	54.746	67.958	65.117	1.038.933	91,1%
Cộng Tây Nguyên		7.746.462	2.916.650	2.642.963	65.385	183.689	232.922	481.758	294.135	6.817.502	88,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 119 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 119 đợt
44	TP. HCM	19.410.290	7.472.873	6.740.248	12.340	589.633	3.130.054	679.438	673.873	19.298.459	99,4%
45	BR-VT	2.481.240	965.201	876.398	0	0	189.462	110.000	108.097	2.249.158	90,6%
46	Đồng Nai	5.983.790	2.711.679	2.318.396	0	0	21.956	176.233	126.994	5.355.258	89,5%
47	Tiền Giang	3.581.950	1.316.827	1.265.618	138.094	58.002	236.574	156.193	147.503	3.318.811	92,7%
48	Long An	3.908.390	1.496.639	1.440.139	0	12.426	384.366	169.660	151.327	3.654.557	93,5%
49	Lâm Đông	2.585.904	972.285	942.979	0	245.410	73.239	134.123	111.546	2.479.582	95,9%
50	Tây Ninh	2.505.460	871.340	820.099	10.161	25.654	231.900	88.894	86.744	2.134.792	85,2%
51	Cần Thơ	2.583.488	922.573	1.305.651	5.840	61.756	36.687	105.400	49.006	2.486.913	96,3%
52	Sóc Trăng	2.560.960	887.380	774.990	0	307.532	10.887	116.852	104.545	2.202.186	86,0%
53	An Giang	3.883.802	1.354.287	1.335.621	182.146	237.967	104.340	199.925	182.383	3.596.669	92,6%
54	Bến Tre	2.662.410	1.017.446	985.805	0	285.121	118.719	106.806	99.563	2.613.460	98,2%
55	Trà Vinh	1.873.290	787.383	576.883	0	19.336	170.664	85.371	78.647	1.718.284	91,7%
56	Vĩnh Long	2.175.280	771.472	746.316	0	145.395	103.552	91.209	86.433	1.944.377	89,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 119 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 119 đợt
57	Đồng Tháp	3.384.710	1.239.870	1.188.623	148	242.415	59.989	144.649	115.048	2.990.742	88,4%
58	Bình Dương	5.814.450	2.379.843	1.939.931	0	22.061	236.033	186.968	141.929	4.906.765	84,4%
59	Bình Phước	2.023.250	750.837	719.266	0	63.124	52.125	109.584	100.949	1.795.885	88,8%
60	Kiên Giang	3.516.150	1.235.252	1.139.266	64.469	0	72.490	142.156	153.470	2.807.103	79,8%
61	Cà Mau	2.299.220	814.541	806.248	0	55.316	60.360	111.615	108.680	1.956.760	85,1%
62	Bạc Liêu	1.604.190	566.272	552.884	0	159.746	66.705	88.298	84.934	1.518.839	94,7%
63	Hậu Giang	1.479.590	530.113	504.989	0	37.457	26.209	74.042	71.065	1.243.875	84,1%
Cộng miền Nam		76.317.814	29.064.113	26.980.350	413.198	2.568.351	5.386.311	3.077.416	2.782.736	70.272.475	92,1%

Ghi chú:

- 8,2 triệu liều vắc xin đợt 114, 115, 116 có Quyết định phân bổ ngày 07/01/2022; 2,5 triệu liều vắc xin đợt 117, 118, 119 có Quyết định phân bổ ngày 10/01/2022 => các địa phương đang tiếp nhận vắc xin.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 62.690 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 210.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.556.220 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.150.668 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 56.665 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,18 triệu liều)

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 121.956 liều, trong đó có 59.902 mũi 1, 37.811 mũi 2 và 24.243 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 872.000 liều).

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 14/01/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	26,3%	100,0%	94,9%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	3,4%	90,5%	88,2%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,0%	94,3%	5,1%	99,4%	30,2%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	97,6%	94,7%	3,8%	103,2%	50,8%
5	Hà Nam	612.219	72.258	94,7%	92,8%	10,6%	98,1%	95,6%
6	Ninh Bình	701.740	81.762	90,7%	88,6%	9,5%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.389.774	282.970	96,6%	89,4%	0,1%	97,5%	38,6%
8	Bắc Giang	1.322.538	168.720	98,3%	96,4%	28,2%	88,0%	79,6%
9	Bắc Ninh	1.146.204	128.062	97,6%	92,7%	20,8%	89,9%	83,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	95,5%	85,8%	2,2%	96,6%	60,6%
11	Vĩnh Phúc	810.197	126.825	96,8%	85,6%	0,0%	44,4%	0,2%
12	Hải Dương	1.331.799	166.013	93,6%	88,2%	18,3%	94,2%	72,9%
13	Hưng Yên	826.028	127.980	99,2%	94,8%	1,3%	82,3%	80,9%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	98,1%	88,9%	8,4%	98,0%	61,7%
15	Bắc Cạn	216.218	26.267	96,7%	89,7%	2,7%	77,3%	8,6%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	95,8%	90,4%	46,1%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	92,3%	86,7%	0,0%	100,0%	88,4%
18	Nghệ An	2.362.582	312.022	81,6%	76,8%	6,8%	90,1%	35,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	90,2%	8,8%	97,7%	89,1%
20	Lai Châu	262.150	56.900	96,1%	90,9%	13,2%	89,0%	78,6%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	97,9%	94,9%	16,3%	100,0%	94,3%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	97,6%	21,9%	2,6%	52,1%
23	Hà Giang	577.586	105.690	82,9%	76,3%	13,3%	80,1%	63,3%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	92,1%	80,0%	11,2%	100,1%	84,2%
25	Yên Bái	510.271	79.169	99,2%	95,3%	14,9%	97,2%	91,5%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	94,3%	12,1%	45,4%	87,3%
27	Sơn La	834.690	136.147	92,3%	76,0%	4,9%	68,2%	61,7%
28	Điện Biên	336.229	74.737	97,9%	87,7%	14,4%	83,0%	66,7%
Cộng miền Bắc		29.659.269	3.894.342	99,2%	93,1%	13,3%	90,1%	69,1%
29	Quảng Bình	550.834	79.538	95,7%	91,2%	6,7%	93,8%	54,2%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,2%	89,1%	6,5%	84,8%	38,1%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	94,2%	9,5%	99,0%	92,0%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,2%	95,7%	12,8%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,3%	91,0%	1,2%	83,6%	51,9%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	96,9%	88,1%	0,5%	94,0%	9,8%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	93,1%	87,3%	4,3%	94,8%	14,4%
36	Phú Yên	678.954	86.632	91,1%	84,1%	9,1%	97,2%	71,8%
37	Khánh Hòa	952.940	95.000	100,0%	96,2%	17,1%	100,0%	100,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	93,6%	12,4%	96,2%	86,6%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	93,5%	1,5%	51,8%	35,2%
Cộng miền Trung		8.677.814	1.135.568	97,0%	91,3%	7,0%	90,7%	56,9%
40	Kon Tum	338.741	60.751	93,2%	85,5%	4,7%	95,7%	76,7%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	87,2%	9,8%	91,8%	63,5%
42	Đắk Lắk	1.263.947	206.278	97,5%	89,5%	5,5%	95,2%	35,0%
43	Đắk Nông	404.872	72.059	99,1%	97,0%	13,5%	94,3%	90,4%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	512.618	98,6%	89,4%	7,9%	94,0%	57,4%
44	TP. HCM	7.300.000	760.000	100,0%	92,3%	42,9%	89,4%	88,7%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	91,6%	19,8%	97,6%	95,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	93,1%	0,9%	60,3%	43,5%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	97,3%	18,2%	98,5%	93,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	99,2%	26,5%	100,0%	90,3%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	97,0%	7,5%	100,0%	84,6%
50	Tây Ninh	947.189	98.373	92,0%	86,6%	24,5%	90,4%	88,2%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	97,3%	100,0%	3,9%	93,5%	43,5%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	89,4%	1,3%	104,7%	93,7%
53	An Giang	1.371.622	198.826	98,7%	97,4%	7,6%	100,6%	91,7%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	97,9%	94,9%	11,4%	100,0%	95,3%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	82,6%	24,4%	97,7%	90,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	97,0%	13,5%	99,5%	94,3%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	99,6%	95,5%	4,8%	90,6%	72,1%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,2%	10,0%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,0%	94,8%	6,9%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	189.132	100,0%	95,7%	6,1%	75,2%	81,1%
61	Cà Mau	857.571	126.690	95,0%	94,0%	7,0%	88,1%	85,8%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	98,9%	96,6%	11,6%	97,2%	93,5%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	98,9%	94,2%	4,9%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.632.305	3.365.584	100,0%	94,2%	18,8%	91,4%	82,7%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 13/01/2022 đến 16h00 ngày 14/01/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.568 lượt người (nhập cảnh: 2.950, xuất cảnh: 2.618).
- + Tuyến VN-TQ: 2.477 lượt người (nhập cảnh: 1.223, xuất cảnh: 1.254).
- + Tuyến VN-Lào: 2.308 lượt người (nhập cảnh 1.323, xuất cảnh: 985).
- + Tuyến VN-CPC: 783 lượt người (nhập cảnh 404; xuất cảnh: 379).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 1.029 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 772 người (VN-TQ: 27, VN-Lào: 502, VN-CPC: 243).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 180 người (VN-TQ: 25; VN-Lào: 12, VN-CPC: 143).
- + Số người trao trả: 77 người (VN-TQ: 77; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 13/01/2022 tới ngày 14/01/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 2.636 lượt người (nhập cảnh: 1.741 lượt người; xuất cảnh: 895 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 4.831 lượt người (nhập cảnh: 3.883 lượt người; xuất cảnh: 948 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 15/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 40 tin/bài tiếng Việt; 70 ảnh trong nước và quốc tế; 24 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tập trung phản ánh tình hình dịch COVID-19 trên các địa bàn; các bộ, ngành, địa phương nỗ lực phòng chống dịch, gắn với phục hồi phát triển du lịch, sản xuất kinh doanh, hỗ trợ những người bị ảnh hưởng do đại dịch và tôn vinh các lực lượng tuyến đầu chống dịch...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến phức tạp của biến thể Omicron trên thế giới, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á, Nhật Bản, châu Phi, châu Âu...; các nước thực hiện biện pháp rút ngắn thời gian cách ly; các động thái liên quan đến việc bổ sung danh mục thuốc điều trị COVID-19; đánh giá của giới khoa học về việc rút ngắn thời gian cách ly...

IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 14/01, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.998.000 cuộc gọi (ngày 14/01 đã tiếp nhận và xử lý hơn 16 nghìn cuộc gọi).

04/01	05/1	06/1	07/1	08/1	09/1	10/1	11/1	12/1	13/1	14/1
13256	17730	17896	19232	16142	16446	20753	23522	19569	18140	16278

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 14/01/2022 đã tiếp nhận hơn 309 nghìn cuộc (ngày 14/01/2022 đã tiếp nhận 63 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 14/01/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 14/01/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	03/1	04/1	05/1	06/1	07/1	08/1	09/1	10/1	11/1	12/1	13/1	14/1
Cuộc gọi đến	127	92	81	85	93	96	72	76	87	81	61	63

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 33.564.649 (-1872 với 14/01/2022, tăng 17.931 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 34,99% dân số, 50,33% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.678.945 điểm đăng ký

+ 217.728 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 220.783.989

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 165.524.172

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 158.036.963

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,48%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.942.183

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang

trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu 15.163.488 (tăng 105.508 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 105.508 người

Bắc Giang	62.406
Hà Nội	10.607
Quảng Bình	8.795
Đông Nai	4.221
Thừa Thiên Huế	6.254
Bắc Ninh	6.988
Yên Bái	3.340
Thái Nguyên	1.034
An Giang	550
Khánh Hòa	356
Đông Tháp	329
Bình Dương	177
Sóc Trăng	113
Bình Phước	205
Vĩnh Phúc	88
Lào Cai	19
Đắk Nông	20
Bình Định	3
Cà Mau	2
Đà Nẵng	1

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 5.656.092 (tăng 29.223 người)

Quảng Ninh	876
Hải Dương	305
Bình Thuận	84
Bãi Cháy	63
TPHCM	1.558
Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh	194
Yên Bái	633
Lào Cai	13
Thái Nguyên	1.463
An Giang	36
Bắc Giang	13.332
Bắc Ninh	5.437
Bình Dương	58
Cà Mau	1
Cần Thơ	5
Đà Nẵng	1
Đông Nai	1.003
Hà Nội	1312
Khánh Hòa	5

Quảng Bình	202	
Sóc Trăng	9	
Thừa Thiên Huế	423	
Tiền Giang	2	
Vĩnh Phúc	74	
Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh	28	
Bệnh viện quốc tế Hoàn Mỹ	554	
Bệnh viện sản nhi TWG Long An	24	
SOVICO	292	
Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn - Sóc Trăng	29	
Bệnh viện Hồng Ngọc	896	
Trung tâm kiểm soát bệnh tật Phú Thọ	29	
Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên	1	
Bệnh viện Nhi đồng 2	87	
Phòng khám đa khoa Hòa Hảo	194	

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 20-25%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử (4.700 tin, bài).

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Lao động, Thanh niên, Thế giới và Việt Nam, Tin tức, Zing News, Tiền phong, VietnamPlus, VnExpress,...